

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **56/2021/DS-ST**.

Ngày: 30 – 9 - 2021.

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 288/2020/TLST- DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55b/2021/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPSGTT (Sacombank).

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Địa chỉ: Số 266 -268, Nam K, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Đình L; Chức vụ:
Trưởng phòng Giao dịch K - Ngân hàng TMCPSTGT chi nhánh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Cảnh Lý H;
Chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng – phòng Giao dịch K - Ngân hàng
TMCPSTGT– chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 164 Nguyễn Tất T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo văn
bản uỷ quyền số: 95/GUQ –PGD EAKAR, ngày 10/03/2021 – Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1987 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7B, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh Lý H trình bày:**

Vào ngày 18/01/2020 Ngân hàng TMCPSTGT – chi nhánh Đắk Lắk - phòng giao dịch K, ký hợp đồng tín dụng số LD2001800349 với ông Nguyễn Xuân H, địa chỉ: Thôn 7B, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho ông Nguyễn Xuân H vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn hai bên thỏa thuận theo hợp đồng là 12%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 24 tháng, được chia làm 24 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 1.550.000đ, trong đó trả 1.250.000đ tiền vay gốc và 300.000đ tiền lãi suất. Thời hạn trả vào ngày 18 hàng tháng, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 18/02/2020 và thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18/01/2022, mục đích vay: Vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp.

Kể từ khi vay cho đến ngày 18/05/2020 ông Nguyễn Xuân H đã trả cho Ngân hàng 03 kỳ trả nợ với tổng số tiền là 4.650.000đ; Trong đó trả 3.750.000đ tiền vay

gốc và trả được 900.000đ tiền lãi suất. Từ kỳ hạn trả nợ lần thứ 4 tức ngày 18/5/2020 ông Nguyễn Xuân H không chịu trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ số tiền vay còn nợ lại của ông Nguyễn Xuân H đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 19/5/2020, tính đến ngày xét xử (ngày 30/9/2021), ông Nguyễn Xuân H còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất là 34.248.750đ.

Vì vậy Ngân hàng TMCPSTGT khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày 30/9/2021 là 34.248.750đ ; Trong đó tiền vay nợ gốc 26.250.000đ; tiền lãi suất trong hạn là 5.100.000đ; tiền lãi suất quá hạn là 2.898.750đ. Yêu cầu ông H tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/10/2021 theo hợp đồng tín dụng số LD2001800349, ngày 18/01/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 16/10/2020, Tòa án nhân dân Huyện K đã tiến hành xác minh hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay của ông Nguyễn Xuân H tại Công an xã Ô và được cung cấp thông tin như sau: “ Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7B, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại thời điểm xác minh ông Nguyễn Xuân H không có mặt tại địa phương”.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Xuân H đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Xuân H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh Lý H trình bày: Việc ông Nguyễn Xuân H xác lập hợp đồng tín dụng và vay của Ngân hàng TMCPSTGT số tiền

30.000.000đ vay gốc là có thật. Từ khi vay tính đến ngày 18/5/2020 ông Nguyễn Xuân H đã trả được cho Ngân hàng số tiền vay gốc 3.750.000đ và 900.000đ tiền lãi suất. Kể từ đó đến nay ông Nguyễn Xuân H không trả cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vì vậy Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPSGTT số tiền vay gốc cùng với khoản tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 30/9/2021 là 34.248.750đ và khoản tiền nợ lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/10/2021 theo hợp đồng tín dụng số LD2001800349, ngày 18/01/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Buộc ông H phải chịu tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): HĐXX, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91,

Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCPSTGT. Buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) là 34.248.750đ và khoản tiền nợ lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/10/2021 theo hợp đồng tín dụng số LD2001800349, ngày 18/01/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; Về chi phí tố tụng và tiền án phí sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCPSTGT, lập ngày 01 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Xuân H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7B, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và tại thời điểm xác lập hợp đồng vay với Ngân hàng, ông Nguyễn Xuân H ghi địa chỉ trong hợp đồng là thôn 7B, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện K đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Xuân H, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Xuân H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng TMCPSTGT yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc ông Nguyễn Xuân H có trách

nhệm trả cho Ngân hàng TMCPSTGT số tiền 26.250.000đ tiền vay gốc, HĐXX nhận định: Trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn ông Nguyễn Xuân H không đến Tòa án làm việc, để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 25/6/2021, nguyên đơn Ngân hàng TMCPSTGT làm đơn yêu cầu trung cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Xuân H trong hợp đồng vay kèm giấy nhận nợ, lập ngày 18/01/2020. Căn cứ đơn yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện K đã ra Quyết định trung cầu giám định số 26/2021/QĐ-TCGD, ngày 09/7/2021 với nội dung: Yêu cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Xuân H dưới mục bên vay và bên vay/người nhận tiền trong Hợp đồng vay kèm giấy nhận nợ, lập ngày 18/01/2020 do nguyên đơn cung cấp (bút lục số 89) và chữ ký, chữ viết Nguyễn Xuân H tại Giấy ủy quyền, số chứng thực 013968, quyền số 07/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/7/2020 (bút lục số 85,86) do Tòa án thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Xuân H có phải do ông Nguyễn Xuân H ký và viết ra hay không?.

Bản kết luận giám định số: 115/KLGD –PC09 (bút lục số 90) của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Xuân H dưới mục bên vay/người nhận tiền trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1; Bên đề nghị vay vốn kí hiệu A2 so với chữ ký chữ viết đứng tên Nguyễn Xuân H trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, do cùng một người ký và viết ra”.

Như vậy, căn cứ vào đơn khởi kiện, lập ngày 01/10/2021, cũng như lời khai của ông Nguyễn Cảnh Lý H tại phiên tòa, đối chiếu với kết luận giám định số 115/KLGD –PC09, ngày 27/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào ngày 18/01/2020 ông Nguyễn Xuân H ký xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCPSTGT – chi nhánh Đắk Lắk – phòng giao dịch K. Theo hợp đồng tín dụng số: LD2001800349, ông Nguyễn Xuân H vay của Ngân hàng TMCPSTGT TT số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Theo hợp

đồng tín dụng đã ký kết thì ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng 24 tháng, được chia làm 24 kỳ, mỗi kỳ trả 1.550.000đ, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 18/02/2020 và thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18/01/2022. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/5/2020 ông Nguyễn Xuân H mới trả được cho Ngân hàng 3 kỳ trả nợ với tổng số tiền vay gốc và lãi suất là 4.650.000đ. Số tiền vay gốc còn lại là 26.250.000đ ông H không trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPSGTT 26.250.000đ tiền vay gốc là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, lãi suất các bên thỏa thuận 12%/ 1 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

| Từ ngày | Đến ngày | Số ngày | Lãi suất %/tháng | Dư nợ gốc | Tiền lãi Trong hạn | Tiền lãi Quá hạn |
|------------|------------|---------|------------------|-------------|--------------------|------------------|
| 18/5/2020 | 31/5/2020 | 13 | 1.0% | 1.250.000đ | 300.000đ | 8.125đ |
| 01/6/2020 | 30/6/2020 | 30 | 1.0% | 2.500.000đ | 300.000đ | 37.500đ |
| 01/7/2020 | 31/7/2020 | 31 | 1.0% | 3.750.000đ | 300.000đ | 58.125đ |
| 01/8/2020 | 31/8/2020 | 31 | 1.0% | 5.000.000đ | 300.000đ | 77.500đ |
| 01/9/2020 | 30/9/2020 | 30 | 1.0% | 6.250.000đ | 300.000đ | 93.750đ |
| 01/10/2020 | 31/10/2020 | 31 | 1.0% | 7.500.000đ | 300.000đ | 116.250đ |
| 01/11/2020 | 30/11/2020 | 30 | 1.0% | 8.750.000đ | 300.000đ | 131.250đ |
| 01/12/2020 | 31/12/2020 | 31 | 1.0% | 10.000.000đ | 300.000đ | 155.000đ |
| 01/01/2021 | 31/01/2021 | 31 | 1.0% | 11.250.000đ | 300.000đ | 174.375đ |

| | | | | | | |
|------------|------------|----|------|-------------|----------|----------|
| 01/02/2021 | 28/02/2021 | 28 | 1.0% | 12.500.000đ | 300.000đ | 175.000đ |
| 01/03/2021 | 31/03/2021 | 31 | 1.0% | 13.750.000đ | 300.000đ | 213.125đ |
| 01/04/2021 | 30/04/2021 | 30 | 1.0% | 15.000.000đ | 300.000đ | 225.000đ |
| 01/05/2021 | 31/05/2021 | 31 | 1.0% | 16.250.000đ | 300.000đ | 251.875đ |
| 01/06/2021 | 30/6/2021 | 30 | 1.0% | 17.500.000đ | 300.000đ | 262.500đ |
| 01/07/2021 | 31/7/2021 | 31 | 1.0% | 18.750.000đ | 300.000đ | 290.625đ |
| 01/08/2021 | 31/8/2021 | 31 | 1.0% | 20.000.000đ | 300.000đ | 310.000đ |
| 01/9/2021 | 30/9/2021 | 30 | 1.0% | 21.250.000đ | 300.000đ | 318.750đ |

Tổng cộng tiền lãi suất trong hạn 5.100.000đ và lãi quá hạn còn nợ là 2.898.7500đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất buộc ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCPSGTT tính đến ngày 30/9/2021 với tổng số tiền là 34.248.750đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2021 ông Nguyễn Xuân H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD2001800349, ngày 18/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về tiền lệ phí giám định: Căn cứ khoản 1 Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân H phải chịu 4.450.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí trưng cầu giám định, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 6.000.000đ tạm ứng chi phí giám định mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tại Tòa án, đã chi phí xong. Số tiền còn lại 1.550.000đ, Tòa án đã trả lại cho nguyên đơn (bút lục số 98). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, HĐXX buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCPSGTT số tiền 4.450.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải chịu 1.712.437đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: $34.248.750đ \times 5\% = 1.712.437đ$ (Một triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCPSTGT số tiền 680.922đ (Sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011413, ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 203, khoản 3 Điều 209, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCPSTGT.

1. Buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPSTGT số tiền là 34.248.750đ. Trong đó tiền vay nợ gốc 26.250.000đ; tiền lãi suất trong hạn là 5.100.000đ; tiền lãi suất quá hạn là 2.898.750đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2021 ông Nguyễn Xuân H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD2001800349, ngày 18/01/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời

kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về tiền lệ phí giám định: Buộc ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 4.450.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

3. Về án phí và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Xuân H phải chịu 1.712.437đ (Một triệu bảy trăm mười hai nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCPSTGT số tiền 680.922đ (Sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011413, ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCPSTGT được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

(Đã ký)

Võ Thị Mai